

Bản án: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2019
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hùng.
2. Bà Trần Thị Đồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1245/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2018 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị D, sinh năm 1992, có mặt.

Địa chỉ: Ấp G, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1986, vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 28/11/2018 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Lý Thị D trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Việt T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Ông T không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Ông T chửi mắng vợ con, ngoài ra ông còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Bà và ông T đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Việt T.

Con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/10/2016, hiện nay các con đang sống với bà nếu như ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Lý Thị D trình bày, tài sản chung bà và ông T không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của ông T trong hồ sơ vụ án như sau: Ông xác nhận lời trình bày của bà D về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà D trình bày là đúng. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn với bà D.

Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông T trình bày nếu như Tòa án cho ông và bà D ly hôn thì ông đồng ý để 02 con cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/4/2010 (số 34/2009, quyền số 01/2009) nên quan hệ hôn nhân của bà D và ông T được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3] Bà D cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông T không quan tâm chăm sóc vợ con nên mới ly hôn, đối với ông T thừa nhận giữa ông và bà D có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ và ông không đồng ý ly hôn với bà D. Xét thấy về mâu thuẫn tình cảm của bà D và ông T, ông T cũng thừa nhận giữa ông và bà D có mâu thuẫn ngoài ra bà D cho rằng giữa bà và ông T đã nhiều lần ly thân, thời gian ly thân gần đây nhất là vào tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Đối với ông T, ông không đồng ý ly hôn với bà D nhưng ông không đưa ra được biên pháp nào để thuyết phục vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, tại tòa bà D cương quyết ly hôn với ông T, điều này chứng tỏ rằng quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông Nguyễn Việt T.

[4] Về quyền nuôi con chung: Nếu như ly hôn ông T chấp nhận để cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 31/5/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/10/2016 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, điều này cũng đồng nghĩa với việc yêu cầu của bà D được tiếp tục nuôi các con sau khi ly hôn. Nên sau khi ly hôn bà D được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Lợi và cháu Như Ý, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Tài sản chung: Bà D và ông T thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đối với nợ chung: Bà D và ông T xác định ông bà không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp sau này nếu các bên không thỏa thuận được về tài sản chung và nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Lý Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Lý Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Việt T.

Về quyền nuôi con chung: Bà Lý Thị D được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 31/10 2010 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/10/2016. Ông Nguyễn Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Lý Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003692 ngày 7/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã M, huyện C,
- Sóc Trăng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tài